

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 09-4-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phương Minh Thành

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Võ Hùng H** sinh năm 1984.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Trần Minh C**, sinh năm 1972

Địa chỉ nơi công tác: Bộ Chỉ Huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh, khóm 2 phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bà **Huỳnh Thị Ánh T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khóm C, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Trần Thị Trúc L với vợ chồng ông Trần Minh C, bà Huỳnh Thị Ánh T có quen biết qua lại với nhau. Vào ngày 19/8/2019, ông C cùng vợ là bà Ánh T có vay

của bà L số tiền là 250.000.000 đồng và cam kết trong thời hạn 03 tháng từ 19/8/2019 đến ngày 19/11/2019 thì vợ chồng ông C, bà T sẽ trả tiền đã vay lại cho cả gốc và lãi (có hợp đồng vay tiền kèm theo). Để tạo sự tin tưởng của nguyên đơn, ông Trần Minh C đã cầm cố giấy tờ giấy chứng minh sĩ quan cấp bậc Thượng tá tên Trần Minh C khi ông C còn công tác tại Bộ Chỉ Huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh kèm biên bản hợp đồng vay tiền giao cho nguyên đơn giữ.

Thế nhưng trong 03 tháng đầu mượn tiền thì ông C có chuyển khoản trả số tiền 12.000.000 đồng, thời gian trả cụ thể nguyên đơn không nhớ rõ, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn đồng ý căn trừ lại số tiền 12.000.000 đồng này vào số tiền gốc 250.000.000 đồng mà ông C bà T đã vay, như vậy nguyên đơn chỉ yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T phải trả cho tổng số tiền gốc: 238.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày ngày 19/11/2019 đến ngày xét xử vụ án 09/4/2021 là 65.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Phía nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày có cho ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T vay số tiền 250.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T có trách nhiệm trả số tiền 250.000.000 đồng đã vay và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Từ đó đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, phía nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu của mình trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn đã cung cấp Tờ biên nhận vay tiền bản gốc thể hiện nội dung ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T có vay nợ nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng được lập ngày 19/8/2019. Xét thấy Tờ biên nhận vay tiền được xác lập trên cơ sở giao dịch tự nguyện, có xác nhận của người làm chứng Lâm Thị Thanh N. Ngoài ra, để tạo sự tin tưởng cho nguyên đơn, ông Trần Minh C đã cầm cố giấy tờ giấy chứng minh sĩ quan cấp bậc Thượng tá tên Trần Minh C khi ông C còn tại chức cho nguyên đơn giữ, hiện nay đã được Tòa án trao trả về đơn vị Bộ Chỉ Huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh để xử lý theo quy định. Mặc khác, trong suốt quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp theo quy định để thông báo và triệu tập bị đơn nhưng phía bị đơn ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T đều vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T phải trả số tiền nợ đã vay là 250.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện cắt trừ số tiền 12.000.000 đồng vào tiền gốc, như vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 303.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 238.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật từ ngày ngày 19/11/2019 đến ngày xét xử vụ án 09/4/2021 là 65.000.000 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L.

Buộc ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T có trách nhiệm trả nợ cho Trần Thị Trúc L tổng số tiền là **303.000.000** đồng, trong đó nợ gốc là 238.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 đến ngày 09/4/2021 là 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Minh C và bà Huỳnh Thị Ánh T phải chịu 7.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.850.000 đồng theo lại thu số 0003836 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND P1;7;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thảo Ngoan